CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư xây dựng UDCONS

Ngày 31/12/2025	4,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	8.1%	**-2.4%**	**-9.1%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,500 - 6,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	139
Số lượng CPLH (CP)	34,706,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	50,375
Sở hữu nước ngoài	11.3%
Beta	0.28
EPS	-1,692
P/E	-2.4

DT thuần
Q4/25
111
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 42.9| 62.8%
YoY: ▼81.0| -42.2%

LN thuần
Q4/25
-20.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.20| -44.5%
YoY: ▼23.8| -649%

LN sau thuế
Q4/25
-22.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.30| -70.1%
YoY: ▼20.6| -1055%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
-6.4%
YoY: +/-▼ 2.9%

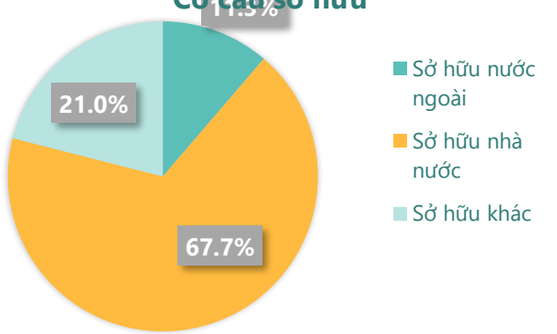
ROE
2025
-34.9%
YoY: +/-▼ 17.8%

DT thuần
2025
276
tỷ VNĐ
YoY: ▼68.0| -19.7%

LN thuần
2025
-59.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼25.0| -72.8%

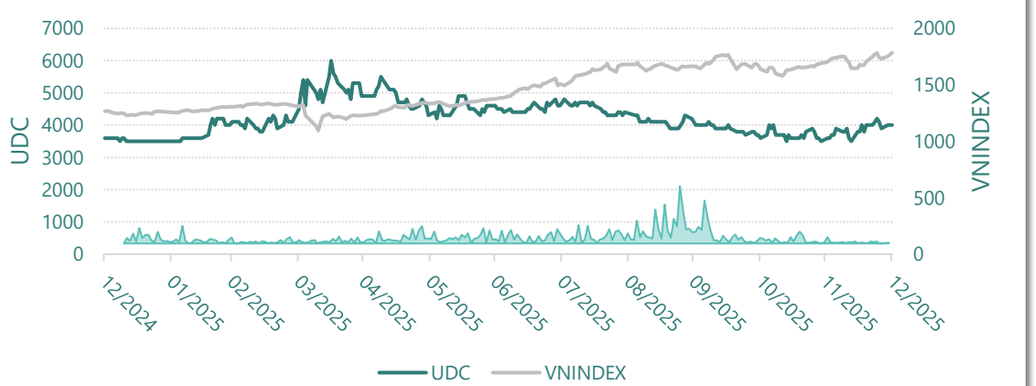
LN sau thuế
2025
-60.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼14.1| -30.3%

Cơ cấu sở hữu

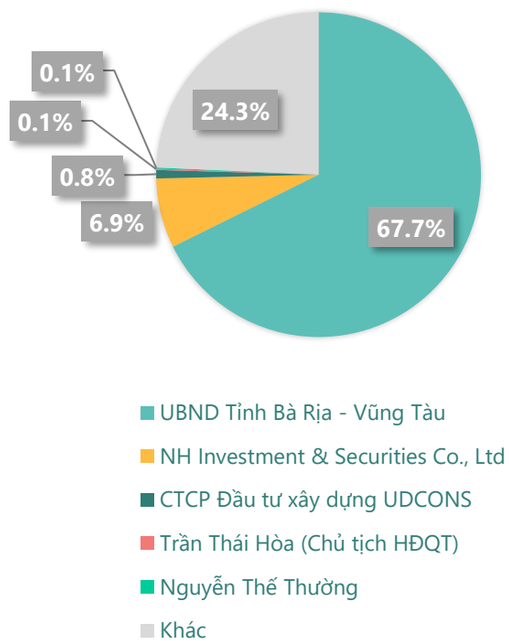


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



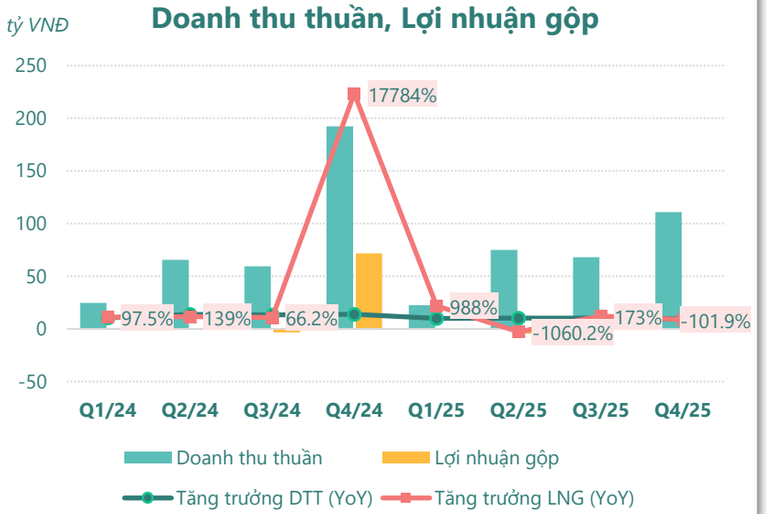
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

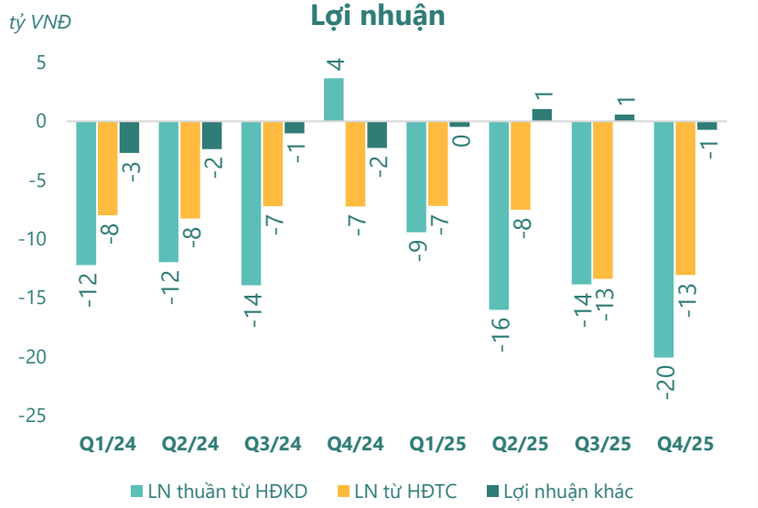
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



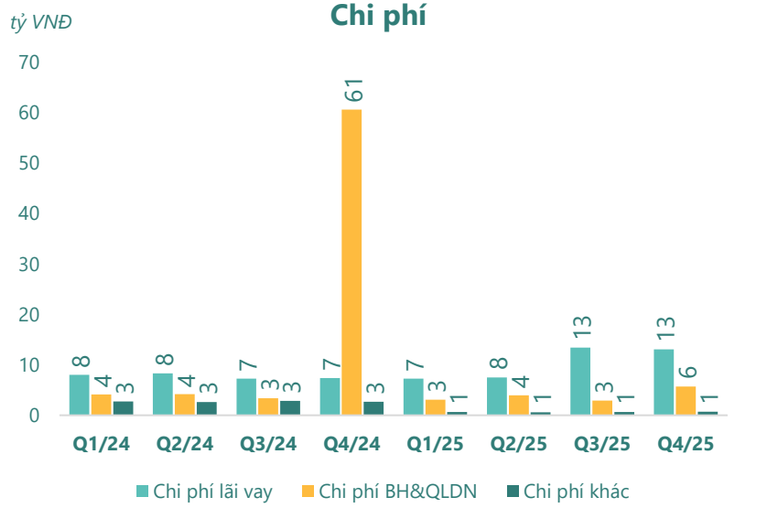
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



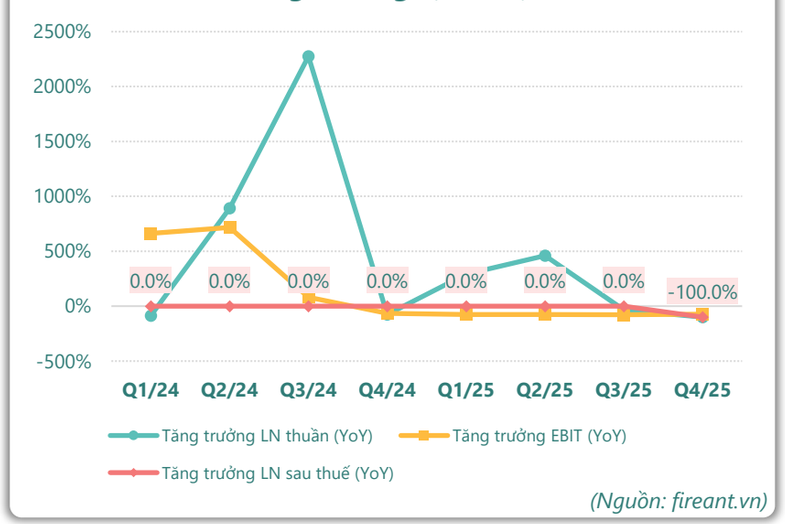
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



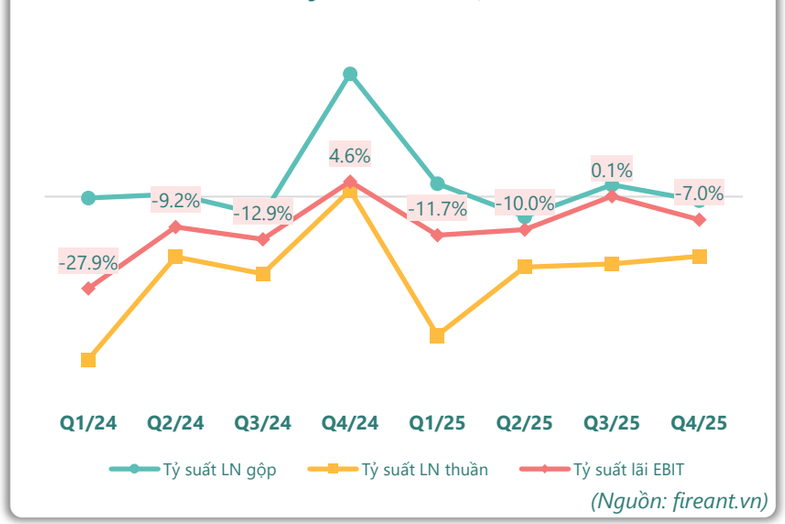
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



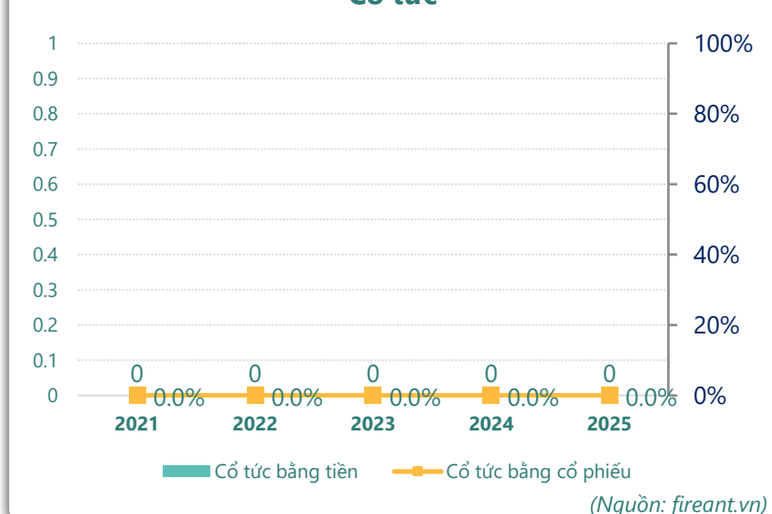
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

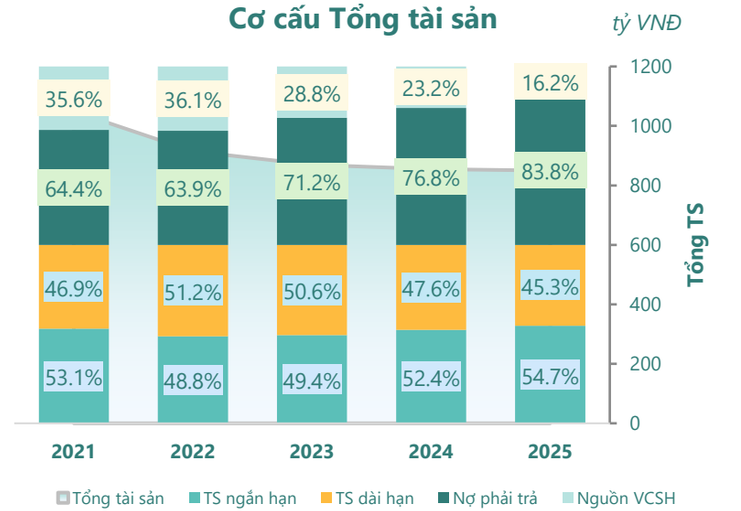
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

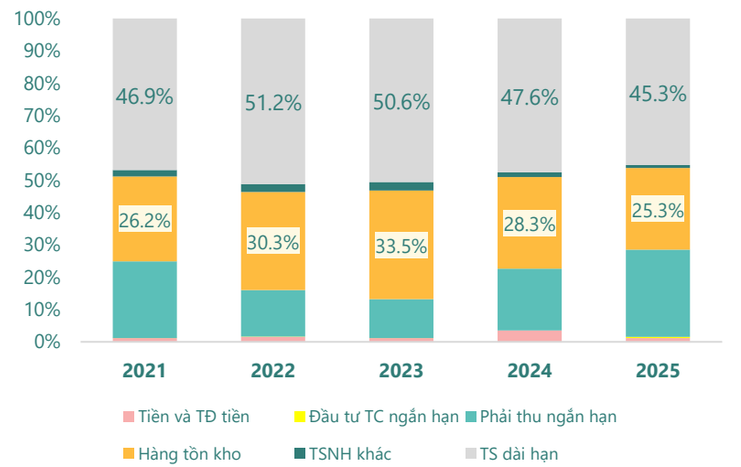
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



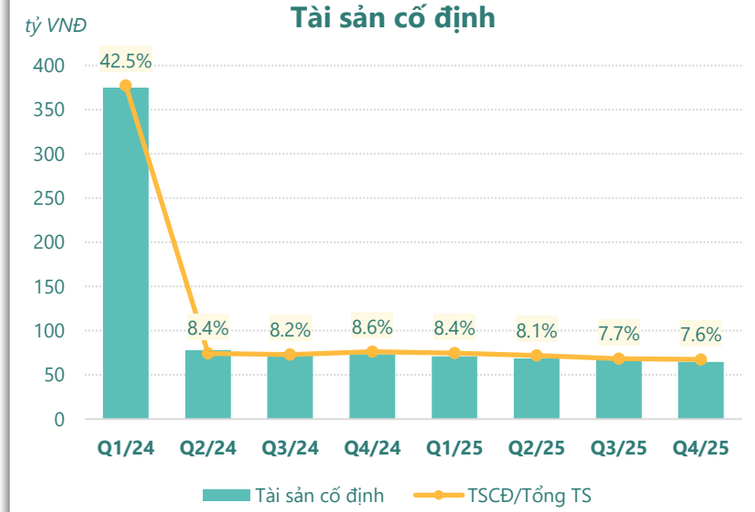
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



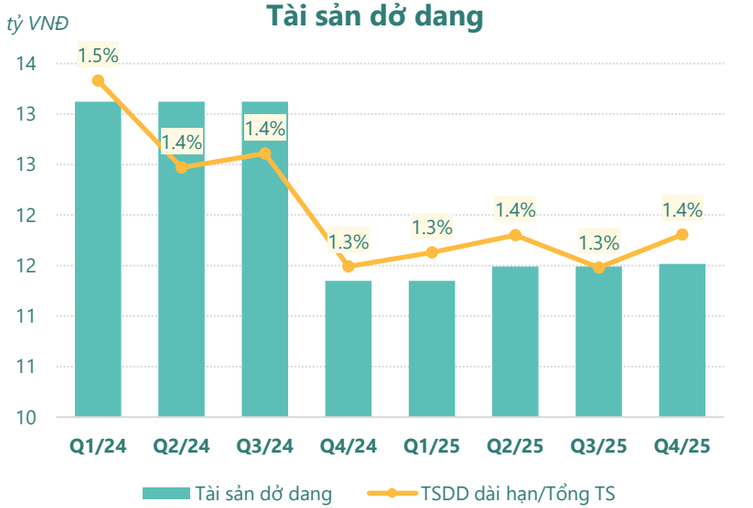
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



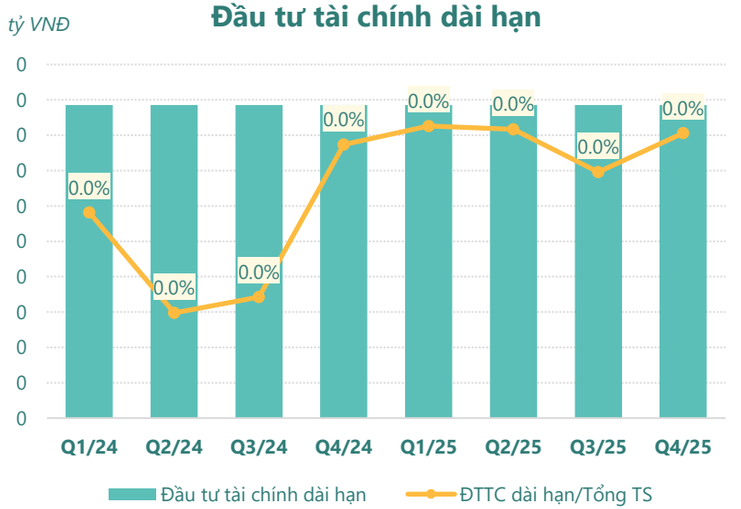
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



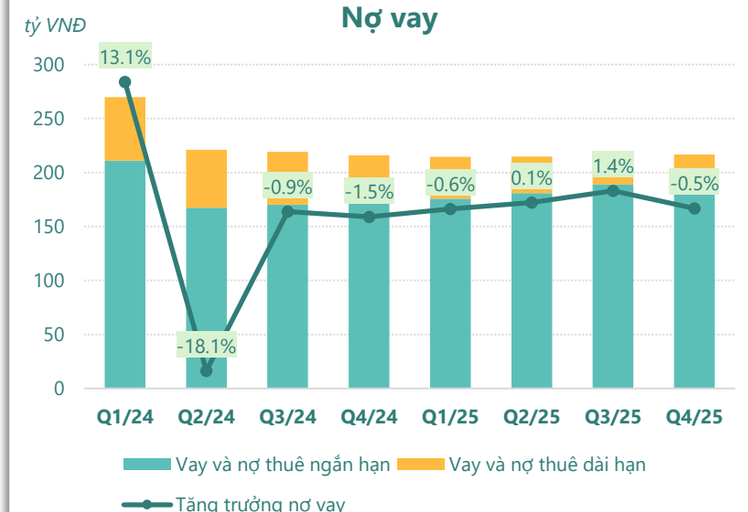
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

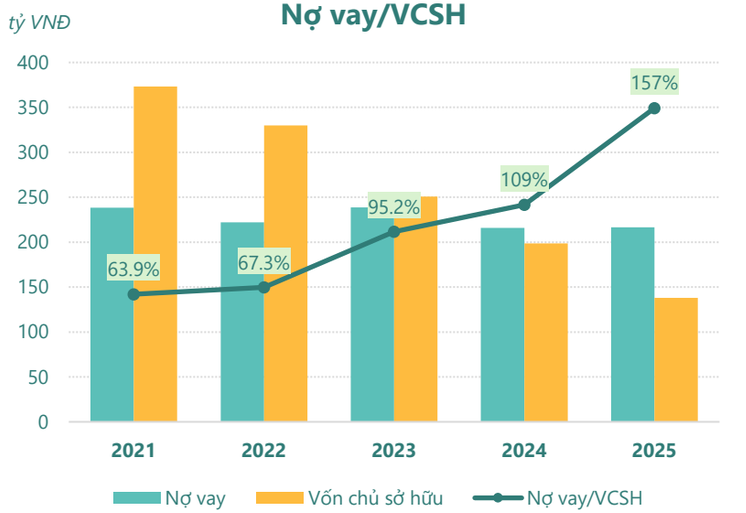
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

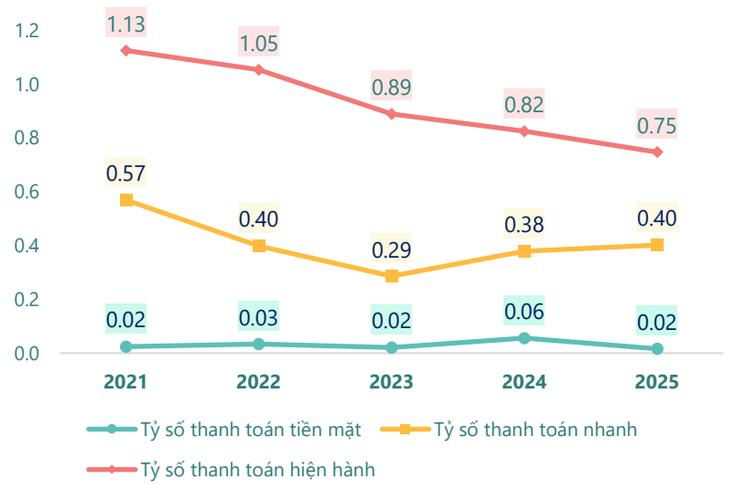
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



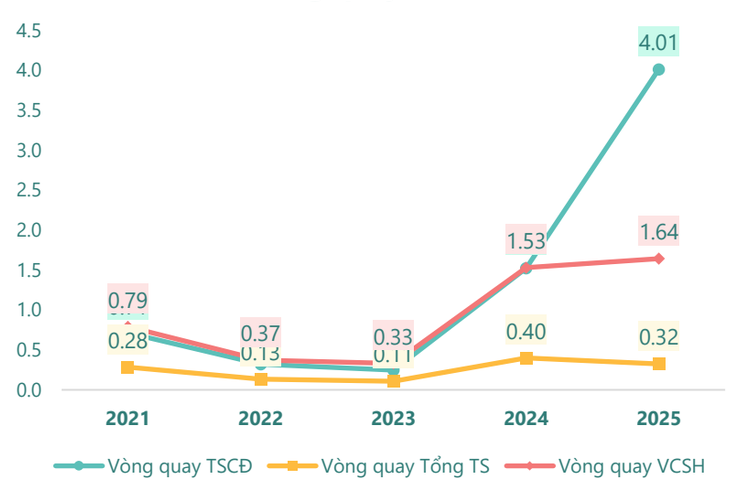
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



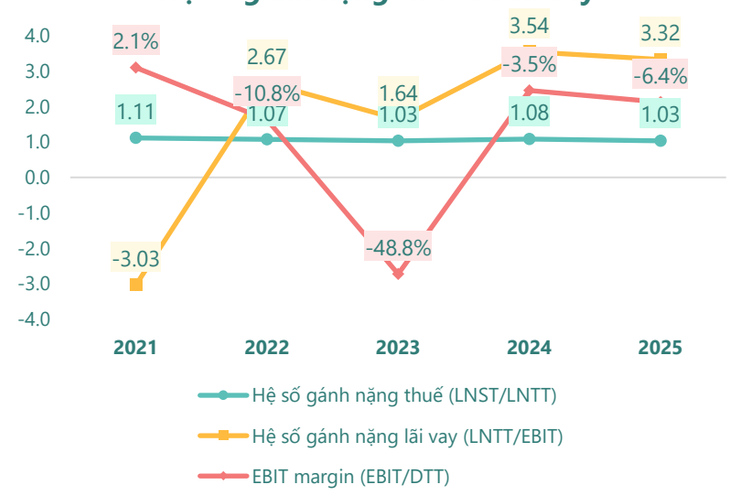
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



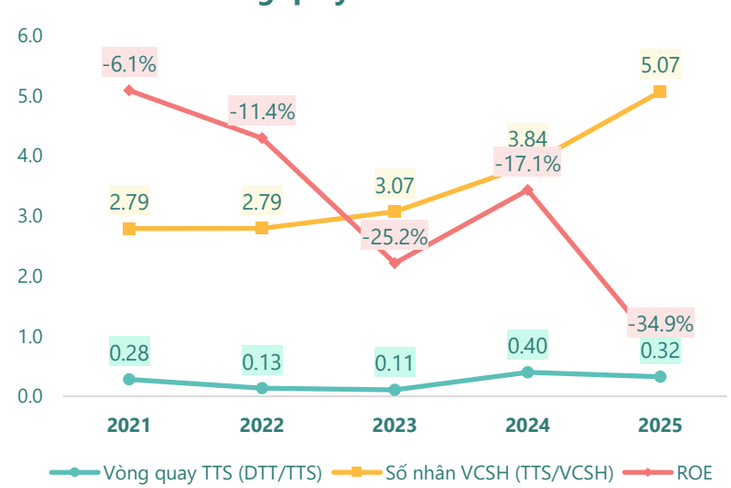
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



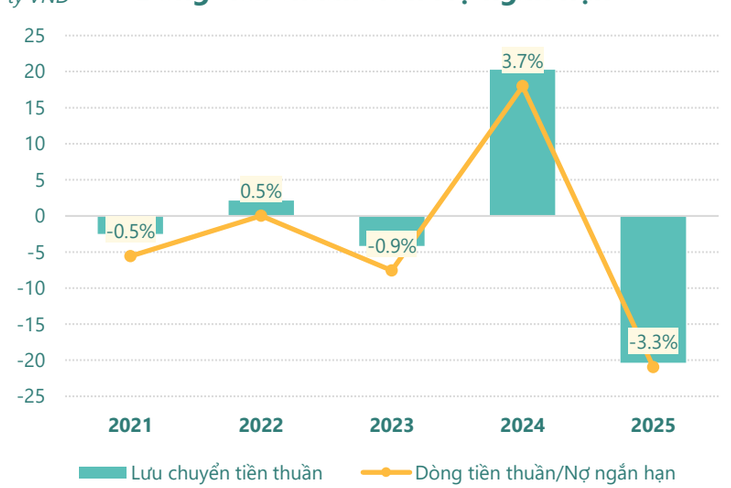
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**111**	**192**	**-42.2%**	**276**	**344**	**-19.7%**
Giá vốn hàng bán	112	121	-7.3%	279	314	-11.0%
Lợi nhuận gộp	-1.33	71.5	-102%	-2.57	30.5	-108%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.15	-96.6%	0.10	0.26	-63.1%
Chi phí TC	13.1	7.40	76.7%	41.3	31.0	33.2%
Chi phí lãi vay	13.1	7.40	76.7%	41.3	31.0	33.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.15	0.04	281%	0.67	1.22	-44.9%
Chi phí QLDN	**5.53**	**60.6**	**-90.9%**	**15.0**	**33.0**	**-54.5%**
LN thuần từ HĐKD	-20.1	3.66	-649%	-59.4	-34.4	-72.8%
Lợi nhuận khác	**-0.73**	**-2.27**	**67.7%**	**0.40**	**-8.78**	**105%**
LN trước thuế	-20.8	1.38	-1608%	-59.0	-43.2	-36.7%
Lợi nhuận sau thuế	**-22.6**	**-1.96**	**-1055%**	**-60.8**	**-46.7**	**-30.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-21.2**	**-2.28**	**-829%**	**-58.7**	**-38.5**	**-52.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.98	-89.1	-12.5	-4.39	-7.88	5.39
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.49	86.4	0.29	1.50	0.69	-4.12
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	6.98	-3.18	-1.28	0.19	2.73	-0.95
Tiền đầu kỳ	40.8	36.3	30.5	17.0	14.3	9.81
Lưu chuyển tiền thuần	**-4.50**	**-5.86**	**-13.5**	**-2.70**	**-4.47**	**0.32**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	36.3	30.5	17.0	14.3	9.81	10.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**850**	**855**	**-0.5%**
Tài sản ngắn hạn	465	448	3.8%
Tiền và tương đương tiền	10.1	30.5	-66.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.00	0	
Phải thu ngắn hạn	229	163	40.8%
Hàng tồn kho	215	242	-11.3%
Tài sản ngắn hạn khác	7.98	12.6	-36.9%
Tài sản dài hạn	**385**	**407**	**-5.3%**
Phải thu dài hạn	7.72	7.74	-0.3%
Tài sản cố định	64.5	73.2	-11.9%
Bất động sản đầu tư	300	313	-4.1%
Tài sản dở dang	11.5	11.3	1.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.00	0.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.70**	**1.71**	**-0.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	712	656	8.6%
Nợ ngắn hạn	**622**	**543**	**14.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	193	172	12.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	112	89.8	24.9%
Nợ dài hạn	90.5	113	-19.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	23.8	43.8	-45.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**138**	**199**	**-30.6%**
Vốn chủ sở hữu	**138**	**199**	**-30.6%**
Vốn điều lệ	350	350	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)